

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **163/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/9/2025

Về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH AN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trương Thanh Toàn.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Phạm Hồng Gái.

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Kiên Giang

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2025 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị Ngọc E**, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã H, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh **Bùi Hoàng S**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị Ngọc E trình bày.

Chị Thị Ngọc E và anh Bùi Hoàng S lấy nhau là do yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòn Đất, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống chị Thị Ngọc E và anh Bùi Hoàng S có với nhau 02 người con

chung cháu Bùi Văn B, cháu Bùi Ngọc Y. Trong cuộc sống chị Ngọc E và anh Bùi Hoàng S có xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn kéo dài từ đầu năm 2024, từ đó dẫn đến hai vợ chồng không còn sống chung và chính thức ly thân. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn quan tâm và chăm sóc nhau. Nay chị Thị Ngọc E thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa nên chị Thị Ngọc E yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Hoàng S.

Về quan hệ con chung có 02 con chung: Cháu Bùi Văn B, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012 và cháu Bùi Ngọc Y, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2017. Chị Thị Ngọc E yêu cầu được nuôi cháu Bùi Ngọc Y và giao cháu Bùi Văn B cho anh cho anh Bùi Hoàng S tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thị Ngọc E không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Thị Ngọc E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Chị Thị Ngọc E trình bày vợ, chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị Thị Ngọc E không trình bày gì thêm.

Bị đơn: Anh Bùi Hoàng S vắng mặt tại phiên Tòa: Trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của tòa án nhưng anh Bùi Hoàng S đều vắng mặt không lý do, nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà, Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, đây thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh An Giang.

- Mặc dù Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Bùi Hoàng S vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Hoàng S theo quy định Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Thị Ngọc E và anh Bùi Hoàng S lấy nhau là do tự tìm hiểu và yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòn Đất, tỉnh An Giang đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận, nhưng trong quá trình chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã chính thức đã ly thân nhau, từ khi vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau thì cuộc sống chung của vợ chồng không còn quan tâm và chăm sóc nhau, hơn nữa tại phiên Tòa hôn Thị Ngọc E trình bày chị không còn yêu thương và không thể hàn gắn và sống chung với anh Bùi Hoàng S được nữa, nên chị Thị Ngọc E yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Hoàng S.

Tòa án cũng đã triệu tập anh Bùi Hoàng S nhiều lần đến tòa án làm việc, nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do và không có yêu cầu gì. Như vậy anh S đã từ bỏ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Thị Ngọc E và anh Bùi Hoàng S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa, nên căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Ngọc E.

[3] Xét về con chung: Chị Thị Ngọc E và anh Bùi Hoàng S có 02 con chung cháu Bùi Văn B, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012 và cháu Bùi Ngọc Y, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2017. Cháu Bùi Ngọc Y hiện nay do chị Thị Ngọc E nuôi dưỡng và cháu Bùi Văn B do anh Bùi Hoàng S đang nuôi dưỡng. Chị Thị Ngọc E yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Bùi Ngọc Y và anh Bùi Hoàng S tiếp tục nuôi cháu Bùi Văn B. Thấy rằng các đương sự không có tranh chấp việc nuôi con, anh S cũng đã biết chị Thị Ngọc E có yêu cầu tòa án giải quyết cho chị Thị Ngọc E nuôi cháu Bùi Ngọc Y nhưng đến nay anh S vẫn không có ý kiến gì. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị Thị Ngọc E giao cháu Bùi Ngọc Y cho chị Thị Ngọc E tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Văn B cho anh Bùi Hoàng S tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng việc nuôi con: Chị Thị Ngọc E và anh Bùi Hoàng S đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Xét về quan hệ tài sản chung của vợ chồng: Chị Thị Ngọc E, anh Bùi Hoàng S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ và cho vay nợ: Chị Thị Ngọc E, anh Bùi Hoàng S trình bày vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thị Ngọc E phải chịu án phí là Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Ngọc E yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Hoàng S

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Ngọc E được ly hôn với anh Bùi Hoàng S.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Bùi Ngọc Y cho chị Thị Ngọc E tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Văn B cho anh Bùi Hoàng S tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng việc nuôi con: Chị Thị Ngọc E, anh Bùi Hoàng S đều không yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con.

- Về quyền thăm nom chăm sóc con chung: Chị Thị Ngọc E, anh Bùi Hoàng S đều có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cấm cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Thị Ngọc E, anh Bùi Hoàng S không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Thị Ngọc E, anh Bùi Hoàng S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Thị Ngọc E phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án

phí mà chị Thị Ngọc E đã nộp tại thi hành án dân sự tỉnh An Giang theo biên lai thu số 0016176 ngày 15 tháng 7 năm 2025 số tiền theo biên lai là 300.000 đồng. Như vậy chị Thị Ngọc E đã nộp xong án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh Bùi Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh An Giang
- VKSND Khu vực 4, tỉnh An Giang
- UBND xã H, tỉnh An Giang.
- Sở tư pháp, tỉnh An Giang.
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Toàn